

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/LĐ-ST

Ngày: 10 – 5 – 2024

V/v “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu
và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn công Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Chí Lin;
- Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 04/2024/TLST – LĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST – LĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Bà Neàng D, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: S, Văn G, huyện T, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn B (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Neàng M, sinh năm 1998 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: S, Văn G, huyện T, tỉnh An Giang.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh L (xin vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Số H T, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S – Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn bà Neàng D

trình bày:

Từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 9 năm 2022, bà Neàng D vào làm tại Công ty cổ phần D1, bà có tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8012005183.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ bà Neàng M có thể đi làm tạo thu nhập lo cho gia đình, nên đã cho bà Neàng M mượn giấy chứng minh nhân dân tên Neàng D để bà Neàng M đi làm tại Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016. Khi bà Neàng M mang tên bà N Dươl làm việc tại Công ty TNHH B thì bà Neàng M cũng tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8014005008 (thời điểm này bà Neàng M có độ tuổi lao động là 16 tuổi).

Việc bà cho bà Neàng M mượn giấy chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH B không phải do bản thân bà Neàng D thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ bảo hiểm xã hội có mã số là 8012005183 và 8014005008 cùng mang tên Neàng D nên bà Neàng D không thể thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm được. Do đó bà Neàng D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Neàng M (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Neàng D) với Công ty TNHH B thời gian từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016 và giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

2/ Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8014005008 cấp cho bà N Dươl thành tên Neàng M.

Bị đơn Công ty TNHH B vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Neàng M có văn bản trình bày:
Do bà còn nhỏ tuổi nên có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Neàng D để vào làm việc tại Công ty TNHH B từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016. Bà chưa thực hiện các thủ tục để được hưởng trợ cấp BHXH một lần và chưa hưởng tiền trợ cấp BHTN đối với số Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8014005008. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Neàng D, đối với việc giải quyết vô hiệu hợp đồng lao động, bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L trình bày:
Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế, BHTN, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH B có tham gia bảo hiểm cho bà N Dươl từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016 với số sổ bảo hiểm 8014005008, bà Neàng D chưa hưởng trợ cấp BHXH một lần và BHTN với thời gian đóng BHXH, BHTN. Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Tại Công văn số 109 ngày 12/3/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh L phúc đáp Công ty TNHH B có mã số doanh nghiệp: 1101701035, địa chỉ trụ sở: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và đã giải thể.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vào tháng 4 năm 2012 đến tháng 9/2022 bà Neàng D làm công nhân tại Công ty Cổ phần D1 có địa chỉ tại khu công nghiệp H, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An với số bảo hiểm xã hội số: 8012005183, Khoảng tháng 3/2014 đến tháng 2/2016 bà Neàng M vào làm việc tại Công ty TNHH B, địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và tham gia bảo hiểm xã hội số: 8014005008 mang tên Neàng D.

Việc bà Neàng M sử dụng giấy tờ của bà Neàng D làm hồ sơ ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH B là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 4 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019.

Từ những lý do trên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của của bà Neàng D.

Tuyên vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Neàng M (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên bà Neàng D) với Công Ty TNHH B từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016.

Căn cứ Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019 xử lý hợp đồng lao động vô hiệu, đề nghị HĐXX điều chỉnh tên Neàng D dưới tên sổ BHXH mã số 8014005008 trong giai đoạn từ tháng 3/2014 đến tháng 02/2016 tại Công Ty TNHH B thành tên Neàng M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Neàng D nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: “*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Công ty TNHH B1 có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Neàng D người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH B1 là người bị kiện được xác định là bị đơn. Bà Neàng M và Bảo hiểm xã hội tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Neàng D khởi kiện Công ty TNHH B1 vì cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo nên bà Neàng D có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3]. Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Neàng D có nộp Sổ BHXH mã số 8012005183; Bản quá trình đóng bảo hiểm xã hội trùng sổ 8012005183 và 8014005008 cùng mang tên Neàng D.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các bên tranh chấp hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016 nên Bộ luật Lao động được áp dụng để giải quyết tranh chấp là Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Thời điểm giải quyết tranh chấp thì Bộ luật Lao động năm 2019 và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng lao động: Bà Neàng D khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Neàng D nhưng do bà Neàng M là người trực tiếp lao động với Công ty TNHH B thời gian từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016 là vô hiệu. Tuy nhiên bà Neàng D không cung cấp được hợp đồng lao động và bà Neàng M cũng không cung cấp được Sổ bảo hiểm xã hội do bị thất lạc. Căn cứ vào Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty TNHH B có tham gia bảo hiểm cho bà N Dưới từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016 theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8014005008 nên có căn cứ xác định giữa bà Neàng D với Công ty TNHH B có giao kết hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016.

Xét thấy, bà Neàng D có cho bà Neàng M mượn chứng minh nhân dân mang tên Neàng D để xác lập hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động, đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016 tại Công ty TNHH B theo sổ BHXH mã số 8014005008. Trong khi đó bà Neàng D cũng trực tiếp tham gia lao động tại Công ty cổ phần D1 từ tháng 4 năm 2012 đến tháng 9 năm 2022, bà Neàng D cũng tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số là 8012005183.

Như vậy có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016 thì người mang tên Neàng D cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại hai doanh nghiệp là Công ty TNHH B và Công ty cổ phần D1.

Do đó, việc bà Neàng M trực tiếp tham gia lao động với Công ty TNHH B nhưng xác lập hợp đồng lao động với tên người lao động là Neàng D là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007), vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Neàng D với Công ty TNHH B là không có hiệu lực.

Từ các nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Neàng D là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2]. Về hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu: Do hợp đồng lao động bị vô hiệu nên sẽ điều chỉnh tên Neàng D trên Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8014005008 trong giai đoạn từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016 tại Công ty TNHH B thành tên Neàng M.

[3]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Neàng D tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng và chi phí tố tụng thực hiện thủ tục tổng đạt trên phương tiện thông tin đại chúng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 184, Điều 186 Điều 68, Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007);

Căn cứ khoản 1 Điều 15; Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 190 Bộ Luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Neàng D về việc: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu và điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội*” với Công ty TNHH B.

1.1. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Neàng M (nhưng trên hợp đồng lao động ghi tên là bà Neàng D) với Công ty TNHH B thời gian từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016;

1.2. Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8014005008 cấp cho bà N Dươt do Công ty TNHH B nộp từ tháng 3 năm 2014 đến tháng 02 năm 2016 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An thành tên bà Neàng M.

Bà Neàng D được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Neàng D với Công ty CP D1.

Bà Neàng M được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo hợp đồng lao động được xác lập giữa bà Neàng M với Công ty TNHH B theo Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8014005008 đã được điều chỉnh.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Neàng D tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005930 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, bà Neàng D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về chi phí tố tụng thực hiện thủ tục tố tụng đạt trên phương tiện thông tin đại chúng bà Neàng D tự nguyện chịu số tiền 3.000.000 đồng.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văn Công Thức